

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 04-4-2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Phạm Thị Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 07/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Số 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Mai Thị Mỹ H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, là đại diện theo uỷ quyền (Giấy quyền số: 836/UQ-CNTL.25 ngày 12/3/2025), có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thái A, nơi thường trú: Tổ 30, cụm 5, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 723 đường N, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Viết T, nơi thường trú: Tổ 30, cụm 5, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/6/2019, Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị Thái A ký Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày (số tài khoản vay: 284984119), số tiền vay là: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất trong hạn 11,50% năm, tính theo dư nợ ban đầu và 150% năm tính theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, ngày giải ngân: 01/6/2019, phương thức giải ngân: Chuyển khoản.

Ngày 30/6/2019, Ngân hàng TMCP A cấp thẻ tín dụng số 3567950000167598, loại thẻ: JCB vàng, hiệu lực thẻ: Tháng 6/2022, hạn mức là 10.000.000 đồng, ngày cấp 30/6/2019 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 3219154027170 ngày 30/5/2019 .

Khoản nợ trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo lãnh của ông Trần Viết T theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 31/5/2019.

Ngày 25/10/2019, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 sang nợ quá hạn, do bà Trần Thị Thái A vi phạm Hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 20/12/2019, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ khoản thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Trần Thị Thái A.

Tính đến ngày 04/4/2025, bà Trần Thị Thái A còn nợ Ngân hàng TMCP A các khoản sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019, nợ gốc: 93.333.332 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.245.834 đồng; nợ lãi quá hạn: 171.180.721 đồng; phạt chậm trả lãi: 530.469 đồng. Tại đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thái A phải trả khoản tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng là: 2.968.594 đồng, tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần khoản tiền phạt chậm trả, hiện bà Anh còn phải trả số tiền là 530.496 đồng, tổng cộng: 266.290.356 đồng.

- Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 03/6/2019, ngày mở thẻ 03/6/2019, tính đến ngày 20/12/2019, khách hàng chi tiêu hết 9.699.000 đồng, Ngân hàng chuyển khoản nợ sang quá hạn, khách hàng đã thanh toán: 1.198.295 đồng, tổng lãi và phí trong hạn là: 2.153.257 đồng, tính đến ngày 04/4/2025, khách hàng còn nợ gốc: 10.653.962 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc: 19.853.341 đồng, tổng: 30.507.303 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu:

Bà Trần Thị Thái A phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 04/4/2025

- Nợ gốc: 103.987.294 đồng
- Lãi trong hạn: 1.245.834 đồng
- Lãi quá hạn: 191.034.062 đồng
- Phạt chậm trả lãi (trong hạn): 530.496 đồng

Tổng: 296.797.686 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Bà Trần Thị Thái A còn phải tiếp tục trả tiền lãi, tiền chậm trả lãi, lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết cho đến ngày trả nợ .

Ông Trần Việt T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết ngày 31/5/20219.

Quá trình Toà án giải quyết bà Trần Thị Thái A và ông Trần Việt T không đến Toà làm việc và không có văn bản ý kiến gì về quan điểm yêu cầu giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà về cơ bản thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 227 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 335, 336, 342, 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Bà Trần Thị Thái A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A, tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 và Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 03/6/2019 là: Nợ gốc: 103.987.294 đồng; lãi trong hạn: 1.245.834 đồng; lãi quá hạn: 191.034.062 đồng; phạt chậm trả lãi (trong hạn): 530.496 đồng. Tổng: 296.797.686 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng). Đình chỉ đối với số tiền phạt chậm trả lãi do nguyên đơn rút yêu cầu. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị Thái A là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn bà Trần Thị Thái A, cư trú tại: Quận Hải An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân quận Hải An đã tiến hành tổng đạt hợp pháp các Thông báo, Quyết định của Tòa án cho bà Trần Thị Thái A và ông Trần Viết T, bà A và ông T đều vắng mặt trong các phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng:

[3.1] Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 được ký kết giữa A và bà Trần Thị Thái A, theo đó A đã giải ngân vào tài khoản của bà Trần Thị Thái A, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, không có tài sản bảo đảm, lãi suất trong hạn được tính theo dư nợ ban đầu là 11,50%/năm, lãi suất tính theo dư nợ vay thực tế là 22,62%/năm (nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì áp dụng lãi suất cho vay ngày với mức lãi suất là 17,40%/năm); lãi suất quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn và thời gian chậm trả được tính bằng 150% nhân với lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm được quy định tại Điều 2, Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019. Khoản vay này được ông Trần Viết T cam kết trả nợ được sử dụng cho nhiều lần cấp tín dụng của A cho bên được cấp tín dụng và chỉ hết hiệu lực khi có đủ các điều kiện Ngân hàng A nhận được văn bản chấm dứt hiệu lực của Giấy cam kết và bên được cấp tín dụng và/hoặc bên cam kết hoàn tất các nghĩa vụ trả nợ đối với A (Giấy cam kết ngày 31/5/20219).

[3.2] Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 30/5/2019, ngày mở thẻ 03/6/2019, hạn mức thẻ là 10.000.000 đồng, loại thẻ JCB, hiệu lực của thẻ là tháng 6 năm 2022, hình thức đảm bảo là tín chấp được ký kết giữa Ngân hàng A và bà Trần Thị Thái A.

[3.3] Việc ký kết các Hợp đồng giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng

không vi phạm pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 3; Điều 116; Điều 117, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Thực hiện Hợp đồng tín dụng:

[4.1] Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019, bà Trần Thị Thái A phải trả đều gốc, lãi hằng tháng cho ACB, tính đến ngày 25/10/2019 bà Trần Thị Thái A đã trả được số tiền gốc là: 6.666.668 đồng, lãi là: 3.833.332 đồng. Từ đó bà Trần Thị Thái A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong Hợp đồng. Ngày 25/10/2019 A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019.

[4.2] Đối với Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 03/6/2019, ngày mở thẻ 03/6/2019, tính đến ngày 20/12/2019, bà Trần Thị Thái A chi tiêu hết 9.699.000 đồng. và ngày 20/12/2019 A chuyển toàn bộ khoản thẻ tín dụng sang nợ quá hạn và ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán.

[4.3] Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ A khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thái A thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng đã ký kết nêu trên là có cơ sở, cần chấp nhận phù hợp các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP.

[5] Về nghĩa vụ thanh toán, tạm tính đến ngày 04/4/2025, bà Trần Thị Thái A phải thực hiện thanh toán các khoản nợ, cụ thể như sau:

[5.1] Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019, nợ gốc: 93.333.332 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.245.834 đồng; nợ lãi quá hạn: 171.180.721 đồng; phạt chậm trả lãi: 530.469 đồng, tổng cộng: 266.290.356 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

[5.2] Đối với số tiền phạt chậm trả: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thái Anh phải trả khoản tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng là: 2.968.594 đồng, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần khoản tiền phạt chậm trả là 2.968.594 đồng – 530.469 đồng = 2.430.098 đồng, hiện bà Trần Thị Thái Anh còn phải trả số tiền là 530.496 đồng, là tự nguyện cần chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chậm trả do ACB đã rút yêu cầu.

[5.3] Đối với Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 30/5/2019, ngày mở thẻ 03/6/2019, tính đến ngày 20/12/2019, bà Trần Thị Thái A chi tiêu hết 9.699.000 đồng, A chuyển khoản nợ sang quá hạn, bà Trần Thị Thái A đã thanh toán: 1.198.295 đồng, tổng lãi và phí trong hạn là: 2.153.257 đồng, tính đến ngày

04/4/2025, bà Trần Thị Thái Anh còn nợ gốc: 10.653.962 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc: 19.853.341 đồng, tổng: 30.507.303 đồng (ba mươi triệu năm trăm linh bảy nghìn ba trăm linh ba đồng).

[5.3] Tổng số tiền mà bà Trần Thị Thái A phải có trách nhiệm thanh toán cho ACB theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 và Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 03/6/2019, là: Nợ gốc: 103.987.294 đồng; lãi trong hạn: 1.245.834 đồng; lãi quá hạn: 191.034.062 đồng; phạt chậm trả lãi (trong hạn): 530.496 đồng. Tổng: 296.797.686 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

[6] Về tiền lãi phát sinh: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 và Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 03/6/2019, cho đến ngày trả nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[7] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Căn cứ Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 31/5/20219 của ông Trần Viết T, thể hiện “Bên cam kết đồng ý cùng trả nợ Bên được cấp tín dụng theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của Hợp đồng tín dụng.....Bên cam kết đồng ý trả nợ thay cho bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với ACB.....”, bản cam kết này được ông Trần Viết Tùng ký, do ông Trần Viết Tùng không đến Tòa để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên cần chấp nhận, buộc ông Trần Viết T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trường hợp bà Trần Thị Thái A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho ACB.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 227 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 335, 336, 342, 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thái A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) tạm tính đến ngày 04/4/2025, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019, số tiền nợ gốc: 93.333.332 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.245.834 đồng; nợ lãi quá hạn: 171.180.721 đồng; phạt chậm trả lãi: 530.469 đồng, tổng cộng: 266.290.356 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng)..

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với số tiền chậm trả là: 2.430.098 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu.

- Đối với Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 30/5/2019, ngày mở thẻ 03/6/2019, số tiền nợ gốc: 10.653.962 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc: 19.853.341 đồng, tổng: 30.507.303 đồng (ba mươi triệu năm trăm linh bảy nghìn ba trăm linh ba đồng).

- Tổng số tiền mà bà Trần Thị Thái A phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 và Thẻ tín dụng số 3567950000167598 ngày 03/6/2019, là: Nợ gốc: 103.987.294 đồng; lãi trong hạn: 1.245.834 đồng; lãi quá hạn: 191.034.062 đồng; phạt chậm trả lãi (trong hạn): 530.496 đồng. Tổng: 296.797.686 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

- Về tiền lãi phát sinh: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.103.010619 ngày 01/6/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết cho đến ngày trả nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

- Về nghĩa vụ bảo lãnh: Trường hợp bà Trần Thị Thái A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP A thì ông Trần Viết T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A.

- Về án phí: Bà Trần Thị Thái A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn là 14.800.000 đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004834 ngày

09 tháng 01 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng .

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THA dân sự quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Nhân

